

Bộ trắc nghiệm Bài 39 Công nghệ 10: Ôn tập chương 2

Câu 1: Các giai đoạn phát triển của gia súc gồm có:

- A. Thời kì bào thai
- B. Thời kì ấu trùng.
- C. Thời kì thai.
- D. Thời kì sơ sinh.

Câu 2: Các giai đoạn phát triển của cá gồm có:

- A. Thời kì bào thai.
- B. Cá siêu thuần chủng.
- C. Cá giống.
- D. Thời kì bú sữa.

Câu 3: Có tổng cộng mấy quy luật sinh trưởng và phát dục:

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 4: Chọn phát biểu không đúng về thể chất của vật nuôi:

- A. Thể chất được đánh giá dựa vào tốc độ tăng khối lượng cơ thể
- B. Thể chất là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi
- C. Thể chất có liên quan đến sức sản xuất và khả năng thích nghi với điều kiện môi trường sống của vật nuôi
- D. Thể chất được hình thành bởi tính di truyền và điều kiện phát triển cá thể của vật nuôi

Câu 5: Đặc điểm của chọn lọc hàng loạt là:

- A. Nhanh gọn.

- B. Tồn kém.
- C. Khó thực hiện.
- D. Sử dụng để chọn gia cầm đực sinh sản.

Câu 6: Mục tiêu của chọn lọc tổ tiên là:

- A. Đánh giá ngoại hình, thể chất con vật.
- B. Đánh giá nguồn gốc của con vật.
- C. Đáp án A hoặc đáp án B
- D. Đáp án A và đáp án B

Câu 7: Năng suất trứng của vịt bầu là?

- A. 100-150 quả/mái/năm
- B. 150-160 quả/mái/năm
- C. 160-170 quả/mái/năm
- D. 90-100 quả/mái/năm

Câu 8: Đặc điểm ngoại hình của Dê bách thảo là:

- A. Lông màu đen hoặc đỏ sẫm, có thể có đốm trắng ở bụng
- B. Lông chủ yếu màu đen, vàng nâu và cánh gián
- C. Đa số có sắc lông trắng (80%) hoặc nâu đen (20%).
- D. Có màu lông đen loang sọc trắng, tai co cụp xuống.

Câu 9: Chọn phát biểu đúng về nguồn gốc của Gà Ri ?

- A. Xuất sứ từ xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Tây
- B. Được chọn và thuần hoá từ gà rừng, nuôi khắp nơi trong nước
- C. Xuất sứ từ Hồng Kông, nhập nội năm 1995
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 10: Người ta dùng phương pháp nào để nhân giống ?

- A. Thuần chủng
- B. Nhóm
- C. Lai giống
- D. Cả A và C đúng

Câu 11: Lai kinh tế là phương pháp lai cho ra sản phẩm:

- A. Tạo giống mới
- B. Không làm giống
- C. Thuần chủng
- D. Tất cả đều sai

Câu 12: Lai kinh tế phức tạp là lai.....:

- A. từ 2 giống trở lên
- B. từ 3 giống trở lên
- C. từ 4 giống trở lên
- D. từ 5 giống trở lên

Câu 13: Đặc điểm của đàn nhân giống là (trường hợp cả 3 đàn đều thuần chủng):

- A. Số lượng ít hơn đàn hạt nhân.
- B. Số lượng nhiều nhất.
- C. Có năng suất cao hơn đàn thương phẩm.
- D. Có năng suất cao nhất.

Câu 14: Đặc điểm của hệ thống nhân giống hình tháp

- A. Năng suất của đàn nhân giống có thể cao hơn đàn hạt nhân khi có ưu thế lai.
- B. Năng suất của đàn nhân giống luôn cao hơn đàn hạt nhân.
- C. Được phép đưa con giống từ đàn nhân giống sang đàn hạt nhân.
- D. Không được phép đưa con giống từ đàn nhân giống sang đàn thương phẩm.

Câu 15: Tiến bộ di truyền là:

- A. Sự tăng giá trị của các đặc tính tốt ở thế hệ con so với thế hệ bố mẹ chúng.
- B. Sự tăng giá trị của các đặc tính tốt ở thế hệ con so với thế hệ ông bà chúng.
- C. Sự tăng giá trị của tất cả các đặc tính ở thế hệ con so với thế hệ bố mẹ chúng.
- D. Sự tăng giá trị của các đặc tính không tốt ở thế hệ con so với thế hệ bố mẹ chúng.

Câu 16: Cấy truyền phôi là quá trình:

- A. Đưa phôi từ bò này sang bò khác .
- B. Đưa phôi từ bò nhận phôi sang bò cho phôi.
- C. Đưa phôi từ bò cho phôi sang bò nhận phôi.
- D. Đưa phôi từ chỗ này sang chỗ khác .

Câu 17: Có bao nhiêu bước cơ bản trong công nghệ cấy truyền phôi bò:

- A. 8.
- B. 9.
- C. 10.
- D. 11.

Câu 18: Có 11 bước cơ bản trong công nghệ cấy truyền phôi bò - Hình 27.1 SGK trang 80

- A. Hoạt động sinh dục của vật nuôi là định kì không thể thay đổi.
- B. Hoạt động sinh dục của vật nuôi do các hoocmon sinh trưởng điều tiết.
- C. Hoạt động sinh dục của vật nuôi do các hoocmon sinh dục điều tiết
- D. Hoocmon không thể do con người tạo ra.

Câu 19: Xây dựng tiêu chuẩn ăn cho vật nuôi phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. Loài, giống
- B. Lứa tuổi.
- C. Đặc điểm sinh lý

D. Tất cả phương án trên

Câu 20: Protein có tác dụng:

- A. Trao đổi chất
- B. Tổng hợp các hoạt chất sinh học
- C. Tính bằng UI
- D. Tổng hợp protit

Câu 21: Ví dụ nào thể hiện khẩu phần ăn của vật nuôi:

- A. Năng lượng 3000Kcalo
- B. P 13g, Vitamin A
- C. Tắm 1.5kg, bột sắn 0.3 kg
- D. Fe 13g, NaCl 43g

Câu 22: Một số loại thức ăn giàu protein là...

- A. các cây họ đậu
- B. thức ăn ủ xanh.
- C. các loại rau xanh, cỏ tươi
- D. hạt đậu, đỗ, khô dầu, bột cá...

Câu 23: Đặc điểm nào không phải của thức ăn tinh:

- A. Hàm lượng các chất dinh dưỡng cao.
- B. Được sử dụng nhiều trong khẩu phần của lợn, gia cầm
- C. Chứa hầu hết các chất dinh dưỡng cần thiết cho động vật ăn cỏ
- D. Gồm thức ăn giàu năng lượng và thức ăn giàu protein

Câu 24: Đặc điểm của thức ăn hỗn hợp là:

- A. Thức ăn được chế biến sẵn.
- B. Phối hợp nhiều loại nguyên liệu theo những công thức đã được tính toán.

- C. Đáp ứng nhu cầu của vật nuôi theo từng giai đoạn phát triển và mục đích sản xuất.
- D. Cả 3 ý trên

Câu 25: Vai trò của thức ăn hỗn hợp

- A. Tăng hiệu quả sử dụng.
- B. Tiết kiệm được nhân công.
- C. Giảm chi phí thức ăn, chi phí chế biến, bảo quản
- D. Tất cả đều đúng

Câu 26: Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp gồm mấy bước?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 27: Trong các loại thức ăn sau, thức ăn nào không phải là thức ăn thô?

- A. Cỏ khô.
- B. Bã mía.
- C. Rau xanh.
- D. Rơm rạ.

Câu 28: Bước đầu tiên của phương pháp hình vuông Pearson được thực hiện như thế nào?

- A. Vẽ một hình vuông, kẻ 2 đường chéo và ghi các số liệu đã biết theo các vị trí
- B. Tìm hiệu số giữa tỉ lệ protein
- C. Cộng kết quả của hai hiệu trên, ghi vào phía dưới bên phải của hình vuông
- D. Tính lượng thức ăn ở hỗn hợp 1

Câu 29: Ngô và cám loại I có tỉ lệ?

- A. Ngô/cám = 1/2

B. Ngô/cám = $\frac{2}{3}$

C. Ngô/cám = $\frac{1}{4}$

D. Ngô/cám = $\frac{1}{3}$

Câu 30: Giai đoạn lợn choai có khối lượng?

A. 5 – 10 kg

B. 20 – 30 kg

C. 20 – 50kg

D. 30 – 60kg

Câu 31: Các loại dưới đây đều là thức ăn tự nhiên của cá, trừ:

A. Thực vật phù du.

B. Vi khuẩn.

C. Bã đậu.

D. Động vật phù du.

Câu 32: Trong các loại thức ăn sau, thức ăn nào không phải là thức ăn tinh

A. Phân bón.

B. Bã đậu.

C. Đỗ tương.

D. Cám.

Câu 33: Có mấy loại thức ăn nhân tạo cho cá

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 34: Khi nuôi thủy sản thâm canh năng suất cao, thức ăn nhân tạo nào là yếu tố rất quan trọng để đạt được hiệu quả kinh tế cao ?

- A. Thức ăn hỗn hợp.
- B. Thức ăn thô.
- C. Thức ăn tinh.
- D. Thức ăn xanh.

Câu 35: Bước 3 trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp nuôi thủy sản là:

- A. Trộn theo tỉ lệ, bổ sung chất kết dính.
- B. Hò hoá và làm ẩm.
- C. Đóng gói, bảo quản.
- D. Ép viên và sấy khô.

Câu 36: Premix vitamin chiếm bao nhiêu % trong công thức thức ăn hỗn hợp nuôi tăng sản cá rô phi?

- A. 10%
- B. 1%
- C. 5%
- D. 3%

Câu 37: Trong công thức sản xuất thức ăn hỗn hợp nuôi cá rô phi không có loại bột nào ?

- A. Bột ngô
- B. Bột cá
- C. Bột sắn
- D. Bột nở

Câu 38: Hướng chuồng phải đạt những yêu cầu nào?

- A. Mùa đông ấm áp, mùa hè thoáng mát
- B. Đủ ánh sáng

C. Nắng gắt

D. Cả A, B đều đúng

Câu 39: Tiêu chuẩn ao nuôi cá không gồm:

A. Diện tích

B. Bón phân

C. Độ sâu và chất đáy

D. Nguồn nước

Câu 40: Thời gian lần 1 mực nước từ 30cm đến 40 cm để phân chuồng, phân xanh phân hủy nhanh từ:

A. 2 – 3 ngày

B. 3 – 4 ngày

C. 5 – 7 ngày

D. 7 – 10 ngày

Câu 41: Mầm bệnh dễ dàng phát triển khi chế độ dinh dưỡng không được đảm bảo về :

A. Nguồn thức ăn đã bị hỏng

B. Thành phần dinh dưỡng không đầy đủ

C. Nguồn thức ăn có chứa chất độc

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 42: Những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát sinh, phát triển bệnh?

A. Yếu tố tự nhiên

B. Chế độ dinh dưỡng

C. Quản lý, chăm sóc

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 43: Loại kí sinh nào dưới đây được xếp vào nhóm nội kí sinh trùng ?

A. Sán

- B. Ve
- C. Ghé
- D. Cháy

Câu 44: Môi trường có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát sinh, phát triển bệnh?

- A. Ảnh hưởng đến sức khoẻ của vật nuôi.
- B. Ảnh hưởng đến sự phát triển của các loại mầm bệnh.
- C. Đáp án A và B
- D. Đáp án A hoặc B

Câu 45: Các biện pháp nào giúp nâng cao khả năng kháng bệnh cho vật nuôi?

- A. Chăm sóc, nuôi dưỡng tốt vật nuôi khoẻ mạnh
- B. Tiêm vắc xin
- C. Không đưa gia cầm vào vùng có dịch.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 46: Bệnh Niu-cát-xơn có thể lây qua các con đường ?

- A. Lây lan qua trứng
- B. Lây trực tiếp giữa gà khỏe tiếp xúc với gà bệnh
- C. Lây qua đường hô hấp
- D. Tất cả đều đúng

Câu 47: Triệu chứng bệnh Niu cát sơn diễn biến qua bao nhiêu thế ?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 48: Những triệu chứng nào sau đây biểu hiện gà đã mắc bệnh Niu cát sơn?

- A. Đứng hoặc nằm ủ rũ.
- B. Màu mào tím tái
- C. Ruột non xuất huyết và loét niêm mạc.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 49: Tác nhân gây bệnh xuất huyết ở cá trắm cỏ là ?

- A. Virus Reovirus
- B. Virus Paramyxovirus
- C. Virus Trimoxin
- D. Virus Lasota

Câu 50: Những biện pháp nào có thể phòng và trị bệnh xuất huyết do vi rút ở cá trắm cỏ?

- A. Vệ sinh ao nuôi cá
- B. Dùng vôi hoà vào nước và té đều xuống ao
- C. Đáp án A và B
- D. Đáp án A hoặc B

Câu 51: Muốn trị bệnh tốt, hiệu quả cần :

- A. Dùng kháng sinh không đủ liều và liên tục
- B. Dùng kháng sinh trong thời gian dài
- C. Phải dùng kháng sinh đúng liều chỉ định
- D. Tất cả đều đúng

Câu 52: Vai trò của thuốc kháng sinh là :

- A. Ngăn cản sự sống và phát triển của vi khuẩn
- B. Kìm hãm sự sinh sản của vi khuẩn
- C. Tạo điều kiện cho các cơ chế đề kháng của cơ thể.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 53: Như thế nào là dùng thuốc kháng sinh đúng chỉ dẫn ?

- A. Phối hợp với các loại thuốc khác để tăng hiệu quả trị bệnh
- B. Dùng kháng sinh dài ngày và tồn lưu trong sản phẩm
- C. Sử dụng kháng sinh không đủ liều lượng
- D. Sử dụng kháng sinh vượt quá liều lượng

Câu 54: Chọn 1 phát biểu đúng khi nói về vac xin?

- A. Vac xin dùng để phòng bệnh sau khi bị các tác nhân gây bệnh xâm nhập
- B. Vac xin chỉ dùng để phòng bệnh cho những vật nuôi chưa bị nhiễm bệnh.
- C. Vac xin chỉ dùng để phòng bệnh cho những vật nuôi đã bị nhiễm bệnh.
- D. Tất cả đều sai

Câu 55: Loại vacxin nào thường được sử dụng trong chăn nuôi ?

- A. Vac xin phó thương hàn
- B. Vac xin tụ huyết trùng trâu, bò
- C. Vac xin dịch tả
- D. Tất cả đều đúng

Câu 56: Ứng dụng công nghệ gen để sản xuất thuốc kháng sinh có những lợi ích gì?

- A. Tăng năng suất
- B. Tạo được nhiều loại kháng sinh mới
- C. Giảm tình trạng kháng thuốc
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 57: ADN tái tổ hợp là:

- A. cắt một đoạn gen cần thiết từ phân tử ADN này và nối ghép vào một phân tử ADN khác
- B. không có sự tồn tại của mầm bệnh
- C. cắt đoạn gen từ phân tử ADN này nối vào vị trí khác của cùng 1 phân tử ADN

D. Tất cả các đáp án đều sai

Câu 58: Vac xin lở mồm long móng thế hệ mới được sản xuất theo quy trình kỹ thuật nào?

A. Tạo đột biến

B. Công nghệ tái tổ hợp gen

C. Chiết từ con vi rút

D. Tất cả các đáp án đều sai

Câu 59: Để tăng năng suất tạo kháng sinh, người ta dùng biện pháp nào?

A. Gây đột biến ngẫu nhiên và chọn những dòng vi sinh vật cho năng suất

B. Thử nghiệm các loại môi trường nuôi cấy để chọn môi trường thích hợp nhất

C. Cả A, B đều đúng

D. Cả A, B đều sai

Câu 60: Khái niệm của kháng nguyên như thế nào?

A. Là do cơ thể tự sản sinh ra.

B. Là các chất lạ vào cơ thể, có tác dụng kích thích cơ thể sinh kháng thể.

C. Là chất được làm ra từ nuôi cấy nấm.

D. Là kháng sinh giúp tiêu diệt bệnh cho cơ thể.

Đáp án bộ trắc nghiệm Công nghệ Bài 39 lớp 10: Ôn tập chương 2

Câu 1:

Đáp án: C. Thời kì thai.

Giải thích: Các giai đoạn phát triển của gia súc gồm có: Thời kì thai – Hình 22.2 SGK trang 66

Câu 2:

Đáp án: C. Cá giống.

Giải thích: Các giai đoạn phát triển của cá gồm có: Cá giống - Hình 22.2 SGK trang 66

Câu 3:

Đáp án: B. 3.

Giải thích: Có 3 quy luật sinh trưởng và phát dục – SGK trang 66

Câu 4: Chọn phát biểu không đúng về thể chất của vật nuôi:

Câu 4:

Đáp án: A. Thể chất được đánh giá dựa vào tốc độ tăng khối lượng cơ thể

Giải thích: Thể chất là chất lượng bên trong cơ thể. Được hình thành bởi tính di truyền và điều kiện phát triển cá thể, liên quan đến sức sản xuất và khả năng thích nghi với điều kiện môi trường sống của con vật – SGK trang 68

Câu 5:

Đáp án: A. Nhanh gọn.

Giải thích: Đặc điểm của chọn lọc hàng loạt là: Nhanh gọn - SGK trang 69

Câu 6:

Đáp án: B. Đánh giá nguồn gốc của con vật.

Giải thích: Chọn lọc tổ tiên là: dựa vào phả hệ xem xét các đời tổ tiên của con vật tốt hay xấu và dự đoán các phẩm chất sẽ có ở đời con. Cá thể nào có tổ tiên tốt về nhiều mặt là cá thể triển vọng – SGK trang 69

Câu 7:

Đáp án: B. 150-160 quả/mái/năm

Giải thích: Năng suất trứng của vịt bầu là 150-160 quả/mái/năm.

Câu 8:

Đáp án: D. Có màu lông đen loang sọc trắng, tai cụp xuống.

Giải thích: Đặc điểm ngoại hình của Dê bách thảo là: Có màu lông đen loang sọc trắng, tai cụp xuống.

Câu 9:

Đáp án: B. Được chọn và thuần hoá từ gà rừng, nuôi khắp nơi trong nước

Giải thích: Gà Ri có nguồn gốc là: được chọn và thuần hoá từ gà rừng, nuôi khắp nơi trong nước.

Câu 10:**Đáp án:** D. Cả A và C đúng**Giải thích:** Tùy mục đích nhân giống mà người ta dùng phương pháp: Nhân giống thuần chủng hay lai giống – SGK trang 74**Câu 11:****Đáp án:** B. Không làm giống.**Giải thích:** Lai kinh tế là phương pháp lai cho ra sản phẩm: Không làm giống – SGK trang 75**Câu 12:****Đáp án:** B. từ 3 giống trở lên**Giải thích:** Lai kinh tế phức tạp: là lai từ 3 giống trở lên – SGK trang 75**Câu 13:****Đáp án:** C. Có năng suất cao hơn đàn thương phẩm.**Giải thích:** Đặc điểm của đàn nhân giống là: Có năng suất cao hơn đàn thương phẩm – SGK trang 77**Câu 14:****Đáp án:** A. Năng suất của đàn nhân giống có thể cao hơn đàn hạt nhân khi có ưu thế lai.**Giải thích:** Đặc điểm của hệ thống nhân giống hình tháp: Năng suất của đàn nhân giống có thể cao hơn đàn hạt nhân khi có ưu thế lai – SGK trang 78**Câu 15:****Đáp án:** A. Sự tăng giá trị của các đặc tính tốt ở thế hệ con so với thế hệ bố mẹ chúng.**Giải thích:** Tiến bộ di truyền là: Sự tăng giá trị của các đặc tính tốt ở thế hệ con so với thế hệ bố mẹ chúng – Thông tin bổ sung SGK trang 78**Câu 16:****Đáp án:** C. Đưa phôi từ bò cho phôi sang bò nhận phôi.**Giải thích:** Cấy truyền phôi là quá trình: Đưa phôi từ bò cho phôi sang bò nhận phôi – SGK trang 79**Câu 17:**

Đáp án: D. 11.

Giải thích: Có 11 bước cơ bản trong công nghệ cấy truyền phôi bò - Hình 27.1 SGK trang 80

Câu 18:

Đáp án: C. Hoạt động sinh dục của vật nuôi do các hoocmon sinh dục điều tiết

Giải thích: Hoạt động sinh dục của vật nuôi do các hoocmon sinh dục điều tiết – SGK trang 79

Câu 19:

Đáp án: D. Tất cả phương án trên

Giải thích: Xây dựng tiêu chuẩn ăn cho vật nuôi phụ thuộc vào : Loài, giống . Lứa tuổi. Đặc điểm sinh lý – SGK trang 82

Câu 20:

Đáp án: B. Tổng hợp các hoạt chất sinh học

Giải thích: Protein có tác dụng: Tổng hợp các hoạt chất sinh học - SGK trang 82

Câu 21:

Đáp án: C. Tầm 1.5kg, bột sắn 0.3 kg

Giải thích: Ví dụ nào thể hiện khẩu phần ăn của vật nuôi: Tầm 1.5kg, bột sắn 0.3 kg - SGK trang 83

Câu 22:

Đáp án: A. Giảm độ chua của đất

Giải thích: Biện pháp bón vôi ở cải tạo đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá giúp giảm độ chua của đất

Câu 23:

Đáp án: B. Cung cấp chất dinh dưỡng và tăng vi sinh vật trong đất

Giải thích: Biện pháp cày sâu dần kết hợp bón tăng phân hữu cơ và bón phân hóa học hợp lí ở cải tạo đất xám bạc màu giúp cung cấp chất dinh dưỡng và tăng vi sinh vật trong đất.

Câu 24:

Đáp án: A. Yếm khí, thoát nước, thoáng khí.

Giải thích: Quá trình hình thành $S \rightarrow FeS_2 \rightarrow H_2SO_4$ của đất phèn cần chú ý đến điều kiện: yếm khí, thoát nước, thoáng khí – SGK trang 33

Câu 25:

Đáp án: D. Tất cả đều đúng

Giải thích: Vai trò của thức ăn hỗn hợp:

Thức ăn hỗn hợp có đầy đủ và cân đối các thành phần dinh dưỡng.

Tăng hiệu quả sử dụng.

Giảm chi phí thức ăn, chi phí chế biến, bảo quản,...

Đem lại hiệu quả kinh tế cao trong chăn nuôi.

Tiết kiệm được nhân công.

Hạn chế được dịch bệnh cho vật nuôi.

Đáp ứng yêu cầu chăn nuôi lấy sản phẩm để xuất khẩu – SGK trang 85,86)

Câu 26:

Đáp án: A. 5.

Giải thích: Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp gồm 5 bước – Hình 29.4 SGK trang 86

Câu 27:

Đáp án: C. Rau xanh.

Giải thích: Trong các loại thức ăn sau, thức ăn không phải thức ăn thô là: Rau xanh – Hình 29.1 SGK trang 84

Câu 28:

Đáp án: A. Vẽ một hình vuông, kẻ 2 đường chéo và ghi các số liệu đã biết theo các vị trí

Giải thích: Bước đầu tiên của phương pháp hình vuông Pearson được thực hiện: Vẽ một hình vuông, kẻ 2 đường chéo và ghi các số liệu đã biết theo các vị trí – SGK trang 88

Câu 29:

Đáp án: D. Ngô/cám = 1/3

Giải thích: Ngô và cám loại I có tỉ lệ: ngô/cám = 1/3 – SGK trang 87

Câu 30:

Đáp án: C. 20 – 50kg

Giải thích: Giai đoạn lợn choai có khối lượng từ 20 – 50kg – SGK trang 87

Câu 31:

Đáp án: C. Bã đậu.

Giải thích: Các loại dưới đây đều là thức ăn tự nhiên của cá, trừ: Bã đậu – Hình 31.1, 31.1 SGK trang 90,92

Câu 32:

Đáp án: A. Phân bón.

Giải thích: Trong các loại thức ăn sau, thức ăn không phải là thức ăn tinh là: Phân bón – Hình 31.3 SGK trang 90

Câu 33:

Đáp án: B. 3.

Giải thích: Có 3 loại thức ăn nhân tạo cho cá – Hình 31.3 SGK trang 91

Câu 34:

Đáp án: A. Thức ăn hỗn hợp.

Giải thích: Khi nuôi thủy sản thâm canh năng suất cao, thức ăn nhân tạo là yếu tố rất quan trọng để đạt được hiệu quả kinh tế cao là: Thức ăn hỗn hợp – SGK trang 91

Câu 35:

Đáp án: B. Hồ hoá và làm ẩm.

Giải thích: Bước 3 trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp nuôi thủy sản là: Hồ hoá và làm ẩm – Hình 31.4 SGK trang 92

Câu 36:

Đáp án: B. 1%

Giải thích: Premix vitamin chiếm 1% trong công thức thức ăn hỗn hợp nuôi tăng sản cá rô phi – SGK trang 93

Câu 37:**Đáp án:** D. Bột nở**Giải thích:**Trong công thức sản xuất thức ăn hỗn hợp nuôi cá rô phi gồm: Bột ngô (17%), cám gạo (40%), bột đỗ tương (12%), bột cá (10%), khô dầu lạc (15%), bột sắn (5%), Premix vitamin (1%) – SGK trang 93**Câu 38:****Đáp án:** D. Cả A, B đều đúng**Giải thích:**Hướng chuồng phải đạt những yêu cầu: Mùa đông ấm áp, mùa hè thoáng mát. Đủ ánh sáng - Hình 34.1 SGK trang 99**Câu 39:****Đáp án:** B. Bón phân**Giải thích:** Tiêu chuẩn ao nuôi cá không gồm: Bón phân - Hình 34.5 SGK trang 101**Câu 40:****Đáp án:** C. 5 – 7 ngày**Giải thích:** Thời gian lần 1 mực nước từ 30cm đến 40 cm để phân chuồng, phân xanh phân hủy nhanh từ: 5 – 7 ngày – Hình 34.6 SGK trang 101**Câu 41:****Đáp án:** D. Cả 3 đáp án trên**Giải thích:**Mầm bệnh dễ dàng phát triển khi chế độ dinh dưỡng không được đảm bảo về:

- + Nguồn thức ăn đã bị hỏng
- + Thành phần dinh dưỡng không đầy đủ
- + Nguồn thức ăn có chứa chất độc – SGK trang 103

Câu 42:**Đáp án:** D. Cả 3 đáp án trên**Giải thích:** Những yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát sinh, phát triển bệnh:

- + Yếu tố tự nhiên

+ Chế độ dinh dưỡng

+ Quản lý, chăm sóc – SGK trang 103

Câu 43:

Đáp án: A. Sán

Giải thích: Loại kí sinh được xếp vào nhóm nội kí sinh trùng là sán, các loại giun... - SGK trang 102

Câu 44:

Đáp án: C. Đáp án A và B

Giải thích: Môi trường có ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển bệnh là:

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe của vật nuôi.

+ Ảnh hưởng đến sự phát triển của các loại mầm bệnh – SGK trang 103

Câu 45:

Đáp án: D. Tất cả đều đúng

Giải thích: Các biện pháp giúp nâng cao khả năng kháng bệnh cho vật nuôi:

+ Chăm sóc, nuôi dưỡng tốt vật nuôi khỏe mạnh

+ Tiêm vắc xin

+ Không đưa gia cầm vào vùng có dịch – Thông tin bổ sung – SGK 105

Câu 46:

Đáp án: D. Tất cả đều đúng

Giải thích: Bệnh Niu-cát-xon có thể lây qua các con đường:

+ Lây lan qua trứng

+ Lây trực tiếp giữa gà khỏe tiếp xúc với gà bệnh

+ Lây qua đường hô hấp

Câu 47:

Giải thích: Triệu chứng bệnh Niu cát xon diễn biến qua 3 thể:

- + Thể quá cấp tính
- + Thể cấp tính
- + Thể mãn tính

Câu 48:

Đáp án: D. Cả 3 đáp án trên

Giải thích: Những triệu chứng biểu hiện gà đã mắc bệnh Niu cát xon là:

- + Đứng hoặc nằm ủ rũ.
- + Màu mào tím tái
- + Ruột non xuất huyết và loét niêm mạc – Bảng 36.1 – SGK trang 106

Câu 49:

Đáp án: A. Virus Reovirus

Giải thích: Bệnh xuất hiện do virus Reovirus gây ra, bệnh xuất hiện ở cá trắm cỏ, cỡ cá chủ yếu < 1 tuổi.

Câu 50:

Đáp án: C. Đáp án A và B

Giải thích: Những biện pháp nào có thể phòng và trị bệnh xuất huyết do vi rút ở cá trắm cỏ là:

- + Vệ sinh ao nuôi cá
- + Dùng vôi hoà vào nước và té đều xuống ao

Câu 51:

Đáp án: C. Phải dùng kháng sinh đúng liều chỉ định

Giải thích: Muốn trị bệnh tốt, hiệu quả cần: phải dùng kháng sinh đúng liều chỉ định – SGK trang 112

Câu 52:

Đáp án: D. Cả 3 đáp án trên

Giải thích: Vai trò của thuốc kháng sinh là:

- + Ngăn cản sự sống và phát triển của vi khuẩn
- + Kìm hãm sự sinh sản của vi khuẩn
- + Tạo điều kiện cho các cơ chế đề kháng của cơ thể - SGK trang 111

Câu 53:

Đáp án: A. Phối hợp với các loại thuốc khác để tăng hiệu quả trị bệnh

Giải thích: Dùng thuốc kháng sinh đúng chỉ dẫn là phối hợp với các loại thuốc khác để tăng hiệu quả trị bệnh – SGK trang 112

Câu 54:

Đáp án: B. Vac xin chỉ dùng để phòng bệnh cho những vật nuôi chưa bị nhiễm bệnh.

Giải thích: Vac xin chỉ dùng để phòng bệnh cho những vật nuôi chưa bị nhiễm bệnh

Câu 55:

Đáp án: D. Tất cả đều đúng

Giải thích: Loại vacxin thường được sử dụng trong chăn nuôi:

- + Vac xin phó thương hàn
- + Vac xin tụ huyết trùng trâu, bò
- + Vac xin dịch tả - Bảng trong thông tin bổ sung SGK trang 113

Câu 56:

Đáp án: D. Cả A, B, C đều đúng

Giải thích: Ứng dụng công nghệ gen để sản xuất thuốc kháng sinh có những lợi ích:

- + Tăng năng suất
- + Tạo được nhiều loại kháng sinh mới
- + Giảm tình trạng kháng thuốc – SGK trang 115

Câu 57:

Đáp án: A. cắt một đoạn gen cần thiết từ phân tử ADN này và nối ghép vào một phân tử ADN khác

Giải thích: ADN tái tổ hợp là cắt một đoạn gen cần thiết từ phân tử ADN này và nối ghép vào một phân tử ADN khác – SGK trang 114

Câu 58:

Đáp án: B. Công nghệ tái tổ hợp gen

Giải thích: Vac xin lở mồm long móng thể hệ mới được sản xuất theo quy trình công nghệ tái tổ hợp gen – SGK trang 114

Câu 59:

Đáp án: C. Cả A, B đều đúng

Giải thích: Để tăng năng suất tạo kháng sinh, người ta dùng biện pháp:

+ Gây đột biến ngẫu nhiên và chọn những dòng vi sinh vật cho năng suất

+ Thử nghiệm các loại môi trường nuôi cấy để chọn môi trường thích hợp nhất – SGK trang 115

Câu 60:

Đáp án: B. Là các chất lạ vào cơ thể, có tác dụng kích thích cơ thể sinh kháng thể.

Giải thích: Kháng nguyên là các chất lạ vào cơ thể, có tác dụng kích thích cơ thể sinh kháng thể
- Thông tin bổ sung – SGK trang 115